

Số : 296 /QĐTN

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học
Ngành SPGD Tiểu học và SPGD Mầm non (phương thức liên thông), khóa 2009 - 2011
(Lớp 09TH.PS, 09TH.TM, 09MN.TM và 09MN.TP)
Đào tạo tại Trường Đại học Quảng Nam**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ quyết định số 05/TBCB ngày 06/01/1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 17/QĐ-HC ngày 14/01/2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học khóa thi ngày 23/01/2011;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp đại học cho 271 học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học, ngành SPGD Tiểu học và SPGD Mầm non (phương thức liên thông), khóa 2009 - 2011, đào tạo tại Trường Đại học Quảng Nam (có danh sách kèm theo), trong đó:

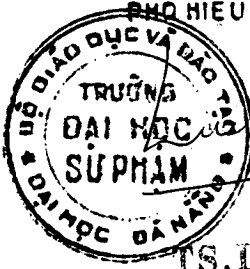
- Ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học : 124 học viên
- Ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non : 147 học viên

Điều 2. Cấp bằng tốt nghiệp đại học và công nhận danh hiệu Cử nhân Khoa học cho các học viên có tên ở điều 1.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, HCTH, Tổ trưởng Tổ Tài vụ, Trưởng Khoa GD Tiểu học-Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (qua Ban Đào tạo ĐHĐN);
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐT.

K.T. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lưu Trang

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 29/QĐTN, ngày 10 tháng 02 năm 2011
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Sư phạm Giáo dục Tiểu học, hệ vừa làm vừa học (phương thức liên thông)

Khóa: 2009 - 2011. Đào tạo tại: Trường Đại học Quảng Nam (Phước Sơn)

Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Lê Thị	Á	13/04/1979	Quảng Nam	7,67	Khá	
2	Nguyễn Văn	Ánh	05/05/1964	Quảng Nam	7,82	Khá	
3	Nguyễn Thị Công	Chính	24/09/1977	Quảng Nam	7,87	Khá	
4	Phan Văn	Duẩn	20/01/1978	Quảng Nam	7,50	Khá	
5	Huỳnh Thị	Diệu	03/09/1979	Quảng Nam	7,43	Khá	
6	Vũ Thị Kim	Dung	25/03/1979	Quảng Nam	7,80	Khá	
7	Nguyễn Trùng	Dương	01/01/1975	Quảng Nam	7,42	Khá	
8	Dương Công	Đức	04/03/1971	Quảng Nam	7,20	Khá	
9	Nguyễn Thị	Hải	10/08/1976	Quảng Nam	7,65	Khá	
10	Đặng Ngọc	Hải	01/01/1978	Quảng Nam	7,45	Khá	
11	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	01/01/1972	Quảng Nam	7,55	Khá	
12	Pho loong	Hép	08/12/1975	Quảng Nam	7,70	Khá	
13	Huỳnh Văn	Hiên	22/02/1976	Quảng Nam	7,17	Khá	
14	Nguyễn Thị Thu	Hoa	03/12/1978	Quảng Nam	7,32	Khá	
15	Dương Thị	Hoà	05/10/1980	Quảng Nam	7,95	Khá	
16	Võ Phúc	Hoà	27/10/1975	Quảng Nam	7,65	Khá	
17	Bùi Thị	Huệ	02/08/1979	Quảng Nam	7,32	Khá	
18	Đinh Thị Thuý	Hương	08/05/1980	Quảng Nam	7,57	Khá	
19	Phạm Thị	Hường	19/06/1977	Quảng Nam	7,77	Khá	
20	Triệu Thị	Hường	01/01/1970	Quảng Nam	7,47	Khá	
21	Lê Tú	Khương	10/04/1974	Quảng Nam	7,73	Khá	
22	Vũ Thị	Kim	20/11/1976	Quảng Nam	7,58	Khá	
23	Trần Đình	Lâm	12/09/1969	Quảng Nam	7,47	Khá	
24	Trịnh Thị	Lành	10/10/1975	Quảng Nam	7,50	Khá	
25	Trương Thị Tuyết	Lê	05/05/1975	Quảng Nam	7,55	Khá	
26	Ngô Thị	Liên	31/10/1980	Quảng Nam	7,58	Khá	
27	Nguyễn Thị	Liên	05/10/1977	Quảng Nam	7,85	Khá	
28	Lê Văn	Long	18/06/1970	Quảng Nam	7,47	Khá	
29	Nguyễn Văn	Mẫu	12/02/1971	Quảng Nam	7,52	Khá	
30	Nguyễn	Minh	29/02/1975	Quảng Nam	7,03	Khá	
31	Nguyễn Thị	Nga	15/08/1972	Nghệ An	7,57	Khá	
32	Trương Thị	Nga	12/10/1966	Quảng Nam	7,78	Khá	
33	Trần Thị	Ngọc	01/01/1971	Quảng Nam	7,38	Khá	
34	Hoàng Thị Ánh	Nguyễn	14/04/1978	Hà Tĩnh	7,62	Khá	
35	Nguyễn Đức	Nhân	02/02/1969	Quảng Nam	7,52	Khá	
36	Trần Thị	Nhơn	21/06/1976	Quảng Nam	7,40	Khá	
37	Nguyễn Phước	Ninh	04/04/1973	Tây Ninh	7,27	Khá	



Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
38	Nguyễn Thuỵ	Phi	15/03/1977	Quảng Nam	7,47	Khá	
39	Bùi Xuân	Phong	04/02/1972	Quảng Nam	7,30	Khá	
40	Lê Văn	Phước	01/01/1966	Quảng Nam	7,53	Khá	
41	Hồ Thị Lan	Phương	10/05/1970	Quảng Nam	7,77	Khá	
42	Nguyễn Thị	Phương	10/10/1980	Quảng Nam	7,25	Khá	
43	Trần Thị Kim	Phượng	27/12/1975	Quảng Nam	7,58	Khá	
44	Dương Thị	Phượng	01/10/1979	Quảng Nam	7,75	Khá	
45	Sầm Thị	Phượng	02/09/1976	Bắc Thái	7,47	Khá	
46	Nguyễn Văn	Quảng	19/04/1973	Nghệ An	7,45	Khá	
47	Cao Thị	Quyên	12/04/1976	Hải Phòng	7,87	Khá	
48	Nguyễn Thị	Sáng	10/10/1975	Nghệ An	7,43	Khá	
49	Nguyễn Văn	Thiện	02/10/1968	Quảng Nam	7,10	Khá	
50	Đinh Thị	Thu	08/03/1975	Quảng Nam	7,32	Khá	
51	Trần Thị	Thu	23/10/1978	Nghệ An	7,48	Khá	
52	Lê Thọ	Thuận	01/02/1967	Quảng Nam	7,47	Khá	
53	Nguyễn Thị	Thuy	25/07/1980	Quảng Nam	7,58	Khá	
54	Nguyễn Thị Bích	Thuy	10/03/1978	Quảng Nam	7,67	Khá	
55	Nguyễn Thị Bích	Thuy	16/06/1972	Quảng Nam	7,87	Khá	
56	Trần Thị	Tiến	10/04/1965	Quảng Nam	6,72	Trung bình khá	
57	Lê Văn	Trạch	02/04/1971	Quảng Nam	7,37	Khá	
58	Trần Phước	Tri	17/10/1975	Quảng Nam	7,52	Khá	
59	Nguyễn Thị	Vĩnh	28/12/1980	Quảng Nam	7,70	Khá	
60	Nguyễn Thị	Xí	01/01/1977	Quảng Nam	7,48	Khá	

Tổng cộng 60 học viên được công nhận tốt nghiệp

Trong đó:

59 Học viên xếp loại Khá

01 Học viên xếp loại Trung bình khá

Đã hình ký 60 bảng TN
5/4/2011

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011

KT. HIỆU TRƯỞNG *hmm*

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trang



Đã ký 60 bảng TN
Đã ký 5/4/2011

[Handwritten signature]

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 296/QĐTN, ngày 10 tháng 02 năm 2011

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Sư phạm Giáo dục Tiểu học. Hệ: vừa làm vừa học (phương thức liên thông)

Khóa: 2009-2011. Đào tạo tại Trường Đại học Quảng Nam (Trà My)

Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mỹ	An	06/11/1980	Quảng Nam	7,12	Khá	
2	Đỗ Thị	Bích	10/08/1975	Quảng Nam	7,37	Khá	
3	Cao Thị	Biên	02/10/1973	Nghệ An	7,62	Khá	
4	Nguyễn Thị	Chương	11/02/1972	Nghệ An	7,15	Khá	
5	Võ Thị Kim	Cúc	02/01/1968	Quảng Nam	7,18	Khá	
6	Võ Thị	Dinh	10/03/1970	Quảng Nam	7,57	Khá	
7	Triệu Thị	Dung	08/03/1973	Cao Bằng	7,08	Khá	
8	Nguyễn Khắc	Dũng	22/07/1979	Quảng Nam	7,37	Khá	
9	Bùi Thanh	Dũng	10/09/1978	Đà Nẵng	7,18	Khá	
10	Huỳnh	Dương	22/02/1980	Quảng Nam	7,52	Khá	
11	Lý Văn	Đường	17/01/1969	Quảng Nam	7,10	Khá	
12	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/09/1978	Quảng Nam	6,95	Trung bình khá	
13	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/06/1976	Quảng Nam	7,17	Khá	
14	Thái Thị Nguyên	Hạ	01/01/1976	Quảng Nam	7,33	Khá	
15	Đinh Thị Xuân	Hạnh	15/07/1976	Quảng Nam	7,20	Khá	
16	Lương Thị	Hào	21/09/1974	Cao Bằng	7,37	Khá	
17	Trần Thị	Hiền	05/10/1976	Quảng Nam	7,17	Khá	
18	Đỗ Thị	Hòa	01/05/1976	Quảng Nam	7,43	Khá	
19	Lê Thị	Hồng	10/12/1972	Quảng Nam	7,02	Khá	
20	Nguyễn Thị Minh	Huệ	06/11/1977	Quảng Nam	7,10	Khá	
21	Phạm Quốc	Khánh	11/03/1979	Quảng Nam	7,27	Khá	
22	Nguyễn Thị	Kiều	06/06/1974	Quảng Nam	7,62	Khá	
23	Bùi Thị Bích	Lan	16/04/1978	Quảng Nam	7,48	Khá	
24	Hồ Thị	Lan	07/10/1983	Quảng Nam	6,97	Trung bình khá	
25	Hoàng Thị	Lan	01/01/1975	Nghệ An	7,38	Khá	
26	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	18/06/1973	Quảng Bình	7,22	Khá	
27	Trần Thị Kim	Loan	10/09/1980	Quảng Nam	7,48	Khá	
28	Bùi Thị	Loan	01/07/1972	Quảng Nam	7,50	Khá	
29	Trần Ngọc	Mẫn	28/11/1974	Quảng Nam	7,63	Khá	
30	Trần Thị	Năm	10/05/1980	Quảng Nam	7,33	Khá	
31	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	08/03/1977	Quảng Nam	7,00	Khá	
32	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	10/10/1974	Quảng Nam	7,20	Khá	
33	Phạm Như	Ngọc	10/08/1978	Quảng Nam	7,77	Khá	
34	Nguyễn Như	Nhạc	21/02/1974	Quảng Nam	7,42	Khá	
35	Phạm Thị	Ninh	13/12/1967	Quảng Nam	7,15	Khá	



Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
36	Trần Văn	Phụ	06/06/1970	Quảng Nam	7,65	Khá	
37	Lê Thị Uyên	Phương	24/11/1978	Quảng Nam	7,62	Khá	
38	Nguyễn Thị Thu	Phương	27/10/1977	Thái Nguyên	7,22	Khá	
39	Lê Thị	Phương	07/05/1977	Quảng Nam	7,05	Khá	
40	Cao Thị Minh	Phương	19/12/1979	Thanh Hóa	7,50	Khá	
41	Nguyễn Văn	Quang	31/01/1966	Quảng Nam	7,35	Khá	
42	Đỗ Đức	Quang	26/07/1981	Quảng Nam	7,08	Khá	
43	Nguyễn Thị	Quyên	01/10/1968	Quảng Nam	6,92	Trung bình khá	
44	Đoàn Thị	Sen	26/10/1974	Quảng Nam	7,07	Khá	
45	Hà Thị	Tài	06/11/1980	Quảng Nam	7,48	Khá	
46	Trà Thị	Tám	05/10/1971	Quảng Nam	7,42	Khá	
47	Đinh Văn	Thâm	12/05/1980	Quảng Nam	7,10	Khá	
48	Trần Thị	Thêm	15/08/1967	Quảng Nam	7,43	Khá	
49	Nguyễn Quang	Thị	01/03/1973	Quảng Nam	7,33	Khá	
50	Trần Thị Kim	Thu	20/06/1970	Quảng Nam	7,38	Khá	
51	Trần Thị	Thúy	10/12/1979	Quảng Nam	7,32	Khá	
52	Nguyễn Hồng	Thương	02/02/1976	Quảng Nam	7,23	Khá	
53	Nguyễn Thị Minh	Thúy	04/02/1977	Quảng Nam	7,50	Khá	
54	Trần Văn	Tin	25/12/1974	Quảng Nam	7,47	Khá	
55	Dương Thị Kiều	Trinh	16/02/1975	Quảng Nam	7,63	Khá	
56	Trần Bảo	Tú	01/03/1975	Quảng Nam	7,28	Khá	
57	Lê Văn	Tường	10/10/1979	Quảng Nam	7,20	Khá	
58	Phạm Thị Kim	Túy	10/04/1977	Quảng Nam	7,23	Khá	
59	Hồ Thị	Tuyết	17/11/1981	Quảng Nam	7,02	Khá	
60	Trần Thị Thu	Vân	02/02/1971	Quảng Nam	7,07	Khá	
61	Trần Thị Thanh	Văn	06/08/1974	Quảng Nam	7,10	Khá	
62	Trịnh Thị	Viên	12/06/1967	Thanh Hóa	7,12	Khá	
63	Lưu	Vinh	16/08/1978	Quảng Nam	7,43	Khá	
64	Nguyễn Thị Phương	Yến	12/10/1970	Quảng Nam	7,62	Khá	

Tổng cộng 64 học viên được công nhận tốt nghiệp

Trong đó:

61 học viên xếp loại Khá

03 học viên xếp loại Trung bình khá

Đã tính ký 64 bằng TN
5/4/2011

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trang

Đã ký bởi bộ TN
Đã ký ngày 5/4/2011
[Signature]



DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo QĐ số: 296/QĐTN, ngày 10 tháng 02 năm 2011)

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Sư phạm Giáo dục Mầm non. Hệ: Vừa làm Vừa học (phương thức liên thông)

Khóa 2009-2011. Đào tạo tại Trường Đại học Quảng Nam (Trà My)

Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Châu Thị Bích	An	20/03/1983	Quảng Nam	7,45	Khá	
2	Đoàn Thị Như	Ánh	05/07/1984	Quảng Nam	7,53	Khá	
3	Dương Thị	Châu	01/01/1973	Quảng Nam	7,27	Khá	
4	Nguyễn Thị Kim	Chung	03/06/1971	Quảng Nam	7,62	Khá	
5	Đỗ Thị Bích	Đào	24/12/1987	Quảng Nam	7,35	Khá	
6	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	25/03/1982	Quảng Nam	7,15	Khá	
7	Đặng Thị Lý	Dung	27/08/1981	Quảng Nam	7,57	Khá	
8	Nguyễn Thị Bích	Hà	11/11/1981	Quảng Nam	7,18	Khá	
9	Hoàng Thị Bích	Hà	16/03/1983	Quảng Nam	7,68	Khá	
10	Nguyễn Thị	Hải	11/11/1983	Quảng Nam	7,58	Khá	
11	Đinh Thị Thu	Hằng	08/03/1979	Quảng Nam	7,43	Khá	
12	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/10/1972	Quảng Nam	7,48	Khá	
13	Nguyễn Thị Bích	Hiền	01/10/1979	Quảng Nam	7,22	Khá	
14	Nguyễn Thị	Hoa	18/10/1965	Quảng Nam	7,27	Khá	
15	Bùi Thị Thu	Hoà	16/04/1985	Quảng Nam	7,55	Khá	
16	Phan Thị	Hoài	16/01/1982	Nghệ An	7,67	Khá	
17	Cao Thị	Hội	28/02/1983	Thanh Hóa	7,32	Khá	
18	Nguyễn Thị Thu	Huệ	15/05/1971	Quảng Nam	7,23	Khá	
19	Nguyễn Thị	Hường	20/05/1983	Quảng Nam	7,35	Khá	
20	Võ Thị Hồng	Khâm	01/11/1981	Quảng Nam	7,53	Khá	
21	Lưu Thị Mỹ	Lan	07/09/1983	Quảng Nam	7,40	Khá	
22	Đoàn Thị	Lành	05/04/1982	Quảng Nam	7,22	Khá	
23	Bùi Thị	Lãnh	12/10/1982	Quảng Nam	7,28	Khá	
24	Nguyễn Thị	Lệ	10/02/1981	Quảng Nam	7,62	Khá	
25	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	04/04/1970	Đà Nẵng	7,18	Khá	
26	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	10/05/1981	Quảng Nam	7,43	Khá	
27	Bùi Thị	Liên	11/11/1968	Quảng Nam	7,53	Khá	
28	Nguyễn Thị Bích	Liên	11/01/1977	Quảng Nam	7,60	Khá	
29	Nguyễn Thị Bích	Liên	30/12/1972	Quảng Nam	7,42	Khá	
30	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	24/11/1981	Quảng Nam	7,28	Khá	
31	Trịnh Thị	Liều	01/01/1978	Quảng Nam	7,58	Khá	
32	Phạm Thị Thuý	Linh	17/04/1981	Hòa Bình	7,27	Khá	
33	Trần Thị Kim	Loan	01/01/1969	Quảng Nam	7,20	Khá	
34	Bùi Thị	Lợi	20/10/1970	Quảng Nam	7,60	Khá	
35	Trần Thị Kiều	Ly	18/10/1986	Quảng Nam	7,38	Khá	
36	Nguyễn Thị	Mỹ	12/04/1983	Quảng Nam	7,52	Khá	
37	Đặng Thị	Nga	02/10/1968	Quảng Nam	7,47	Khá	
38	Trần Thị Diễm	Nga	11/06/1984	Quảng Nam	7,25	Khá	



Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
39	Trần Thị Hải	Nga	22/12/1982	Quảng Nam	6,98	TB-khá	
40	Nguyễn Thị Thu	Nga	21/02/1972	Quảng Nam	7,25	Khá	
41	Bùi Thị	Nghĩa	10/10/1982	Quảng Nam	7,28	Khá	
42	Trương Thị Thanh	Như	18/02/1982	Quảng Nam	7,68	Khá	
43	Nhan Thị Trinh	Nữ	01/01/1981	Quảng Nam	7,37	Khá	
44	Ung Thị	Phận	02/09/1981	Quảng Nam	7,45	Khá	
45	Huỳnh Thị Thu	Phong	09/12/1973	Quảng Nam	7,42	Khá	
46	Đoàn Thị Thu	Phúc	10/10/1980	Quảng Nam	7,35	Khá	
47	Trần Thị Kim	Phước	02/10/1985	Quảng Nam	7,45	Khá	
48	Đỗ Thị Bích	Phương	02/06/1982	Quảng Nam	7,70	Khá	
49	Thái Thị Uyên	Phương	18/02/1974	Quảng Nam	7,15	Khá	
50	Chung Thị	Quyên	14/09/1982	Quảng Nam	7,33	Khá	
51	Nguyễn Thị Lý	Quỳnh	02/06/1982	Quảng Nam	7,45	Khá	
52	Nguyễn Thị	Sâm	22/09/1981	Hà Tĩnh	7,10	Khá	
53	Nguyễn Thị Thu	Thảo	14/06/1986	Quảng Nam	7,42	Khá	
54	Phan Thị	Thêm	02/05/1972	Quảng Nam	7,70	Khá	
55	Trần Thị Kim	Thu	14/10/1981	Quảng Nam	7,87	Khá	
56	Trần Thị Thu	Thúy	15/08/1969	Quảng Nam	7,78	Khá	
57	Mai Thị Phú	Thúy	22/07/1974	Quảng Nam	7,58	Khá	
58	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/05/1981	Quảng Nam	7,10	Khá	
59	Nguyễn Thị Thuý	Tiên	01/10/1985	Quảng Nam	7,30	Khá	
60	Mai Thị Thu	Toàn	01/08/1984	Quảng Nam	7,05	Khá	
61	Trần Thị Minh	Trang	26/10/1975	Quảng Nam	7,53	Khá	
62	Nguyễn Thị Phương	Trinh	12/03/1987	Quảng Nam	7,53	Khá	
63	Nguyễn Hồ Cẩm	Tuyền	28/04/1983	Quảng Nam	7,05	Khá	
64	Bùi Thị Ánh	Tuyết	30/08/1977	Quảng Nam	7,30	Khá	
65	Kiều Thị	Tuyết	20/04/1982	Quảng Nam	7,07	Khá	
66	Bùi Thị	Tuyết	15/02/1973	Quảng Nam	7,00	Khá	
67	Mai Thị Thanh	Xuân	06/08/1972	Quảng Nam	7,25	Khá	

Tổng cộng 67 học viên được công nhận tốt nghiệp

Trong đó:

66 học viên xếp loại Khá

01 học viên xếp loại Trung bình khá

Đã trình ký 67 bảng TN
5/4/2011

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011

KT. HIỆU TRƯỞNG *hmm*

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trang

hmm
Đã ký 67 bảng TN
Đã ký 5/4/2011
Trần Minh



DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: ~~246~~ /QĐTN, ngày 10 tháng 02 năm 2011

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Sư phạm Giáo dục Mầm non, hệ vừa làm vừa học (phương thức liên thông)

Khóa: 2009 - 2011.Đào tạo tại Trường Đại học Quảng Nam (Tiên Phước)

Số TT	HỌ VÀ TÊN			Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Lương Thị Tịnh	Anh	—	02/03/1978	Quảng Nam	7,45	Khá	
2	Đoàn Thị	Anh	—	08/08/1980	Quảng Nam	7,42	Khá	
3	Nguyễn Thị	Bây	—	10/09/1979	Quảng Nam	7,12	Khá	
4	Nguyễn Thị Thu	Bích	—	19/03/1971	Quảng Nam	7,63	Khá	
5	Triệu Thị Thanh	Bình	—	14/12/1979	Quảng Nam	7,68	Khá	
6	Lưu Thị	Bông	—	19/05/1979	Quảng Nam	7,33	Khá	
7	Nguyễn Thị Kim	Chi	—	05/04/1984	Quảng Nam	7,45	Khá	
8	Trần Thị Kim	Chung	—	24/06/1980	Quảng Nam	7,15	Khá	
9	Trần Thị Kim	Cúc	—	02/01/1970	Quảng Nam	7,27	Khá	
10	Dương Thị Kim	Cúc	—	10/05/1970	Quảng Nam	6,97	Trung bình khá	
11	Bành Thị	Đăng	—	01/01/1975	Quảng Nam	7,47	Khá	
12	Bùi Thị	Đinh	—	15/05/1978	Quảng Nam	7,63	Khá	
13	Nguyễn Thị Như	Định	—	22/03/1985	Quảng Nam	7,93	Khá	
14	Trần Thị Mỹ	Dung	—	20/01/1983	Quảng Nam	7,50	Khá	
15	Lê Thị Kim	Dung	—	02/04/1981	Quảng Nam	7,65	Khá	
16	Đinh Thị	Giao	—	01/01/1972	Quảng Nam	7,58	Khá	
17	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	—	22/05/1981	Quảng Nam	7,80	Khá	
18	Nguyễn Thị Duyên	Hà	—	01/12/1980	Quảng Nam	7,27	Khá	
19	Lê Thị	Hạnh	—	13/09/1970	Quảng Nam	6,95	Trung bình khá	
20	Nguyễn Thị	Hạnh	—	27/05/1975	Quảng Nam	7,32	Khá	
21	Nguyễn Thị Minh	Hiền	—	10/10/1970	Quảng Nam	7,02	Khá	
22	Võ Thị Ánh	Hiệp	—	11/11/1982	Quảng Nam	7,47	Khá	
23	Nguyễn Thị	Hào	—	02/02/1972	Quảng Nam	7,45	Khá	
24	Thái Thị	Hiền	—	20/08/1981	Quảng Nam	7,77	Khá	
25	Trương Thị	Hiếu	—	12/08/1985	Quảng Nam	7,92	Khá	
26	Lê Thị	Hiệu	—	15/01/1972	Quảng Nam	7,75	Khá	
27	Trần Thị	Hiệu	—	03/02/1970	Quảng Nam	7,40	Khá	
28	Phạm Thị Ngọc	Hoa	—	10/08/1972	Quảng Nam	7,23	Khá	
29	Nguyễn Thị	Lan	—	02/02/1980	Quảng Nam	7,82	Khá	
30	Trương Thị	Liễu	—	20/11/1985	Quảng Nam	7,32	Khá	
31	Thái Thị Hồng	Linh	—	25/12/1982	Quảng Nam	7,35	Khá	
32	Đinh Thị Phi	Loan	—	31/12/1980	Quảng Nam	7,70	Khá	
33	Võ Thị Bích	Loan	—	30/05/1984	Quảng Nam	7,58	Khá	
34	Nguyễn Thị	Lục	—	03/01/1976	Quảng Nam	7,18	Khá	
35	Trần Thị Ly	Ly	—	02/05/1970	Quảng Nam	7,67	Khá	
36	Trương Thị Khánh	Ly	—	03/08/1981	Quảng Nam	7,35	Khá	
37	Nguyễn Thị Xuân	Mai	—	26/09/1975	Quảng Nam	7,30	Khá	
38	Phạm Thị Thùy	Nga	—	01/01/1972	Quảng Nam	7,12	Khá	
39	Nguyễn Thị Ái	Nghĩa	—	05/06/1984	Quảng Nam	7,42	Khá	
40	Nguyễn Thị	Nguyễn	—	20/01/1976	Quảng Nam	6,97	Trung bình khá	



Số TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
41	Đặng Thị	Nguyệt	05/06/1979	Quảng Nam	7,50	Khá	
42	Thái Thị Thu	Nguyệt	28/10/1981	Quảng Nam	7,43	Khá	
43	Nguyễn Thị Tuyết	Phi	26/01/1980	Quảng Nam	7,50	Khá	
44	Nguyễn Thị Diệu	Phúc	03/10/1978	Quảng Nam	7,00	Khá	
45	Nguyễn Thị	Phước	02/01/1984	Quảng Nam	7,45	Khá	
46	Võ Thị	Phước	02/01/1984	Quảng Nam	7,53	Khá	
47	Đinh Thị Xuân	Phượng	17/10/1975	Quảng Nam	7,37	Khá	
48	Võ Thị Hoa	Phượng	24/10/1982	Quảng Nam	7,40	Khá	
49	Nguyễn Thị	Quyên	10/09/1981	Quảng Nam	7,23	Khá	
50	Đặng Thị Tuyết	Sa	05/05/1984	Quảng Nam	7,70	Khá	
51	Huỳnh Thị	Sáu	13/11/1970	Quảng Nam	7,65	Khá	
52	Trần Thị	Tài	01/10/1982	Quảng Nam	8,03	Giỏi	
53	Trần Thị	Tân	04/05/1979	Quảng Nam	7,23	Khá	
54	Nguyễn Thị Huỳnh	Thắm	10/01/1980	Quảng Nam	7,60	Khá	
55	Đào Thị Minh	Thanh	01/01/1970	Quảng Nam	7,18	Khá	
56	Nguyễn Thị Thanh	Thào	15/02/1985	Quảng Nam	7,63	Khá	
57	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	07/07/1981	Quảng Nam	7,22	Khá	
58	Nguyễn Thị Kim	Thái	01/01/1981	Quảng Nam	7,23	Khá	
59	Phan Thị Ánh	Thơ	18/12/1980	Quảng Nam	7,08	Khá	
60	Nguyễn Thị Xuân	Thọ	01/03/1983	Quảng Nam	7,35	Khá	
61	Nguyễn Thị Thủy	Trang	10/10/1985	Đồng Nai	7,42	Khá	
62	Triệu Thị Hồng	Thơm	27/11/1979	Quảng Nam	7,58	Khá	
63	Phan Thị Xuân	Thu	18/08/1969	Quảng Nam	7,50	Khá	
64	Nguyễn Thị Minh	Thu	18/08/1980	Quảng Nam	7,17	Khá	
65	Phạm Thị Thủy	Thương	20/01/1978	Quảng Nam	7,42	Khá	
66	Lê Thị	Thường	11/11/1983	Quảng Nam	7,60	Khá	
67	Hà Thị	Thúy	16/11/1986	Quảng Nam	7,72	Khá	
68	Đỗ Thị Thu	Thúy	01/01/1981	Quảng Nam	7,22	Khá	
69	Nguyễn Thị Bích	Thúy	30/07/1976	Quảng Nam	7,05	Khá	
70	Huỳnh Thị Thu	Thúy	10/02/1984	Quảng Nam	7,87	Khá	
71	Phan Thị	Trà	12/08/1981	Quảng Nam	7,22	Khá	
72	Võ Thị	Tranh	24/01/1978	Quảng Nam	7,37	Khá	
73	Trịnh Thị Minh	Truyền	02/05/1986	Quảng Nam	7,73	Khá	
74	Trương Thị Kim	Tuấn	10/09/1970	Quảng Nam	7,20	Khá	
75	Phạm Thị Minh	Tuyền	08/12/1980	Quảng Nam	7,33	Khá	
76	Đỗ Thị Kim	Tuyết	06/04/1970	Quảng Nam	7,30	Khá	
77	Võ Thị Bích	Vân	15/05/1975	Quảng Nam	7,30	Khá	
78	Lương Thị	Vân	24/10/1981	Quảng Nam	7,20	Khá	
79	Trần Thị Cẩm	Vân	10/10/1979	Quảng Nam	7,43	Khá	
80	Nguyễn Thị Lệ	Vân	19/08/1982	Quảng Nam	7,83	Khá	

Tổng cộng 80 học viên được công nhận tốt nghiệp

Trong đó:

01 học viên xếp loại Giỏi

76 học viên xếp loại Khá

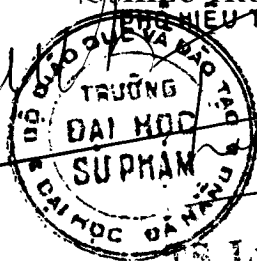
03 học viên xếp loại Trung bình khá

Đã trình ký' Sở Giáo dục và Đào tạo

5/4/2011

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011

KI HIỆU TRƯỞNG



13. Lưu Trang